

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM LỘC PHÚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM LỘC PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM LOC PHUC SERVICE AND TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TAM LOC PHUC SAT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109039291

**3. Ngày thành lập:** 02/01/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 29A, Ngách 75/281 Trương Định, Tổ 49, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2022     |
| 2.  | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2817     |
| 3.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3100     |
| 4.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3312     |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3320     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4322     |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330     |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý, môi giới hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610     |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao. | 4649     |
| 11. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng.                                                                                                                       | 4659(Chính) |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663        |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;<br>- Bán buôn bột giấy. | 4669        |
| 15. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                    | 4741        |
| 16. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                   | 4759        |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh.                                                  | 4773        |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 86/2014/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô);                                                                                                                    | 4933        |
| 19. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5224        |
| 20. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                       | 7110        |
| 21. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310        |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7320        |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410        |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;                                                                                                                                       | 7730        |
| 25. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                   | 8230        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                 | 8299        |

|     |                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------|------|
| 27. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                   | 9522 |
| 28. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự | 9524 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THẮNG LỢI | Xóm An Bình, Xã Trục Chính, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                 | 3.200.000.000         | 80,000    | 036089001599                                                                                                                                      |         |
| 2   | ĐỖ VĂN GIANG   | Xóm An Bình, Xã Trục Chính, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                 | 800.000.000           | 20,000    | 163177820                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN THẮNG LỢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036089001599

Ngày cấp: 22/03/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm An Bình, Xã Trục Chính, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 29A, Ngách 75/281 Trương Định, Tổ 49, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội